

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - THUỶ LỢI SỐ 43-CT/TTLB

NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 1985 QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI
THÁC THUỶ NÔNG

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Xí nghiệp quản lý và khai thác thuỷ nông (dưới đây gọi tắt là xí nghiệp thuỷ nông) là xí nghiệp quốc doanh dịch vụ kỹ thuật mang tích chất công nghiệp có nhiệm vụ khai thác, dự trữ, điều hoà nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác theo nhiệm vụ được duyệt.

Để tận dụng tiềm năng lao động, kỹ thuật, thiết bị của hệ thống công trình, xí nghiệp thuỷ nông có thể tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản như trồng cây, nuôi cá, xay xát, sửa chữa máy bơm...

2. Xí nghiệp thuỷ nông là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, được mở tài khoản ở Ngân hàng Nhà nước, được trực tiếp ký kết hợp đồng kinh tế với các hộ sử dụng nước, các đơn vị cung ứng vật tư, lao vụ và các đơn vị sản xuất khác, được Nhà nước cấp vốn cố định, vốn lưu động, được Ngân hàng Nhà nước cho vay vốn, được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng và được trích lập các quỹ xí nghiệp theo chế độ hiện hành. Riêng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất tạm thời chưa trích. Nếu xí nghiệp có nhu cầu chi về cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất, mua sắm tài sản cố định

giá trị không lớn... được cấp có thẩm quyền duyệt sẽ do quỹ thủy nông tỉnh cấp hoặc vay Ngân hàng Nhà nước.

Xí nghiệp thủy nông phải thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, thể lệ quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước.

II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

A. KẾ HOẠCH HOÁ.

Hàng năm, xí nghiệp thủy nông căn cứ vào nhiệm vụ được giao, năng lực tưới tiêu của hệ thống công trình và các định mức kinh tế - kỹ thuật được duyệt, xây dựng hệ thống kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính có chất lượng cao, được cân đối tích cực và vững chắc.

Hệ thống kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, tài chính gồm các phần:

1. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ (kế hoạch tưới tiêu).
2. Kế hoạch khoa học kỹ thuật.
3. Kế hoạch xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn tài sản cố định.
4. Kế hoạch lao động tiền lương.
5. Kế hoạch vật tư, thiết bị và năng lượng.
6. Kế hoạch chi phí sản xuất và chi phí bình quân cho một hécta tưới tiêu.
7. Kế hoạch tài chính và tín dụng.
8. Kế hoạch trích lập và sử dụng quỹ thủy nông.

B. QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ VỐN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định của xí nghiệp thủy nông được xây dựng và mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư của Ngân sách Nhà nước, vốn vay của Ngân hàng, vốn tự có của xí nghiệp và quỹ thủy nông của tỉnh.

Tài sản cố định trong các xí nghiệp thủy nông được chia thành các loại sau đây:

1. Nhà cửa.
2. Vật liệu kiến trúc bao gồm hồ đập; cầu và cống; kênh mương; v.v...
3. Máy móc thiết bị động lực. 4. Máy móc thiết bị công tác.
5. Thiết bị truyền dẫn.

6. Công cụ.

7. Dụng cụ làm việc, đo lường, thí nghiệm.

8. Thiết bị và phương tiện vận tải.

9. Dụng cụ quản lý.

10. Tài sản cố định khác.

Việc tổ chức quản lý hạch toán tài sản cố định thực hiện theo chế độ kế toán tài sản số định số 222-TC/CĐKT ngày 11-10-1980 của Bộ Tài chính.

Xí nghiệp thủy nông phải tính và trích khấu hao cơ bản, khấu hao sửa chữa lớn đối với tất cả tài sản cố định đã đưa vào sử dụng. Riêng đối với những tài sản cố định sau đây tạm thời, chỉ trích khấu hao sửa chữa lớn không trích khấu hao cơ bản:

- Hồ, đập,
- Cầu, cống, âu thuyền,
- Kênh mương,
- Máy bơm điện lớn có lưu lượng từ 8000 m³/h trở lên.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể cho từng loại tài sản do Bộ Thủy lợi hướng dẫn sau khi bàn bạc thống nhất với Bộ Tài chính. Vốn khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn phải nộp toàn bộ vào quỹ thủy nông của tỉnh ngay sau khi xí nghiệp thu được thủy lợi phí. Riêng khấu hao cơ bản của những tài sản cố định mua sắm bằng nguồn vốn vay ngân hàng (nếu có) thì nộp trả ngân hàng.

C. QUẢN LÝ VỐN LƯU ĐỘNG.

Xí nghiệp thủy nông được xác định mức vốn lưu động và được Ngân hàng Nhà nước cho vay như các xí nghiệp sản xuất kinh doanh khác (nguyên tắc, nội dung và phương pháp xác định mức vốn lưu động và thủ tục xét duyệt cụ thể do Bộ Thủy lợi hướng dẫn sau khi thống nhất với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

D. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT.

Chi phí sản xuất của xí nghiệp thủy nông bao gồm các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính và chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh phụ:

a) Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là những khoản chi phí cho việc hoàn thành nhiệm vụ tưới, tưới nước bao gồm các khoản mục sau:

1. Nguyên vật liệu,
2. Nhiên liệu dùng vào sản xuất, 3. Năng lượng dùng vào sản xuất,
4. Lương và phụ cấp lương của công nhân sản xuất,
5. Chi phí sử dụng máy móc thiết bị; trong đó có khấu hao máy móc thiết bị,
6. Khấu hao sửa chữa lớn hồ, đập, cống, kênh mương,
7. Chi phí sửa chữa thường xuyên hồ, đập, cống kênh mương,
8. Chi phí tính trả xí nghiệp quản lý đầu mối,
9. Chi phí quản lý các trạm, cụm,
10. Chi phí quản lý xí nghiệp,
11. Chi phí ngoài sản xuất,
12. Chi phí khác.

Xí nghiệp thủy nông phải dựa vào các định mức kinh tế - kỹ thuật tính toán chi phí sản xuất theo điều kiện thời tiết bình thường và tính chi phí bình quân cho 1 héc-ta tưới tiêu 1 năm và chi phí bình quân cho một héc-ta tưới tiêu 1 vụ làm căn cứ để lập kế hoạch, đánh giá thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất (hạ giá thành).

Trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, xí nghiệp phải phấn đấu giảm chi phí đến mức thấp nhất, nhưng không được cắt xén các khoản chi phí cần thiết, nhất là các khoản chi tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình.

Những năm thời tiết không bình thường sẽ được xem xét cụ thể để đánh giá đúng việc thực hiện kế hoạch của xí nghiệp.

b) Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh phụ là những khoản chi phí cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài nhiệm vụ tưới, tiêu nhằm tận dụng những điều kiện thuận lợi sẵn có về lao động, năng lực công trình, v.v...

E. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN.

Xí nghiệp phải tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán theo đúng quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước. Cụ thể là: